

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Lợi

Bà Nguyễn Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/8/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số nhà 04, phố N, tổ 10, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số nhà 23, phố Đ1, tổ 02, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

(Chị H có mặt, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hoàng L trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Hồng H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 9 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Quá trình chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn vì thái độ, đạo đức, trách nhiệm của chị H không xứng đáng là người con dâu, người vợ, người mẹ trong gia đình. Từ tháng 8/2016, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở số nhà 23 phố Đ1, tổ 2, phường Đ, thành phố T. Vợ chồng ly thân từ thời gian đó, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay anh L xác định không còn tình cảm với chị H, không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị Hồng H có hai con chung là Nguyễn Thành Đ2 sinh ngày 26/11/2007 và Nguyễn Hoàng L1 sinh ngày 27/01/2012. Hiện nay hai con đang sống cùng anh L. Anh L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Anh L làm việc tại ủy ban nhân dân phường, thu nhập của anh L tại thời điểm tháng 9/2021 là 7.536.000 đồng.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đỗ Thị Hồng H trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh Nguyễn Hoàng L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không đồng nhất về quan điểm sống. Anh L có đánh chửi chị, đến ngày 04/9/2016 do mâu thuẫn nảy lửa không đi đến hồi kết, chị đã về sống cùng bố mẹ đẻ ở số 23 phố Đ1, tổ 02, phường Đ. Từ đó vợ chồng sống ly thân, anh L ngăn cấm không cho chị được gặp con, ngăn cản quyền làm mẹ của chị, không cho chị được chăm sóc, giáo dục con chung. Chị xác định không còn tình cảm với anh L nên đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh L có hai con chung như anh L trình bày. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, nếu không được nuôi cả hai con thì chị đề nghị được nuôi một con, nuôi con nào là do nguyện vọng của các con và do Tòa án quyết định. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị H đang kinh doanh cửa hàng sửa chữa đồ điện tại nhà cùng bố mẹ và kiếm hàng cho công ty may, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/1 tháng.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện chính quyền địa phương nơi anh Nguyễn Hoàng L và chị Đỗ Thị Hồng H đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp nội dung như sau: Sau khi kết hôn, anh L và chị H chung sống tại tổ 10 phường Đ, thành phố T. Quá trình chung sống giữa anh L và chị H đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể vì lý do gì thì

địa phương không nắm được. Từ nhiều năm nay, anh L và chị H đã sống ly thân. Anh L và chị H có hai con chung là Nguyễn Thành Đ2 và Nguyễn Hoàng L1, đang sống cùng với anh L, các cháu đều được chăm sóc và đi học đầy đủ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án, thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hoàng L được ly hôn chị Đỗ Thị Hồng H.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thành Đ2 sinh ngày 26/11/2007, giao cho chị Đỗ Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hoàng L1 sinh ngày 27/01/2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về quan hệ tài sản: Anh L và chị H không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Hoàng L khởi kiện xin ly hôn chị Đỗ Thị Hồng H có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng L và chị Đỗ Thị Hồng H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 9 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, theo anh L vì thái độ, đạo đức, trách nhiệm của chị H không xứng đáng là người con dâu, người vợ, người mẹ trong gia đình, theo chị H trình bày nguyên nhân là do không đồng nhất về quan điểm sống, anh L đánh, chửi chị. Anh L và chị H đã sống ly thân từ năm 2016, không còn quan tâm đến nhau. Anh L xin ly hôn, chị H cũng đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh L, xử cho anh L được ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Hoàng L và chị Đỗ Thị Hồng H có hai con chung là Nguyễn Thành Đ2 sinh ngày 26/11/2007 và Nguyễn Hoàng L1 sinh ngày 27/01/2012, cả anh L và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, cháu Đạt và cháu Linh có nguyện vọng được ở với anh L.

Xét thấy, cả anh L và chị H đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng của người mẹ. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Hoàng L1 là con gái cần có sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Chị Đỗ Thị Hồng H cùng cư trú tại phường Đ, lại gần trường học của cháu Linh nên việc giao cháu Linh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận lợi cho cuộc sống và sinh hoạt của cháu. Xét điều kiện thực tế hiện nay, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình nên giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thành Đ2, chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hoàng L1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L, chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng L và chị Đỗ Thị Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy về quan hệ tài sản không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hoàng L được ly hôn chị Đỗ Thị Hồng H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thành Đ2 sinh ngày 26/11/2007. Giao cho chị Đỗ Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hoàng L1 sinh ngày 27/01/2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Nguyễn Hoàng L và chị Đỗ Thị Hồng H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh L, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000293 ngày 11/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí.

Chị Đỗ Thị Hồng H có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường Đ, TP T, tỉnh T;
ĐKKH số 54/2006, ngày 22/9/2006)
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lý